

NGHIÊN CỨU NHỮNG THAY ĐỔI TRONG SỬ DỤNG ĐẤT LÂM NGHIỆP CỦA NGƯỜI DÂN TỘC THIỂU SỐ XÃ HỒNG KIM, HUYỆN A LƯỚI, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

Nguyễn Thị Hồng Mai*, Trần Nam Thắng, Lê Thị Thu Hà

Trường Đại học Nông Lâm, Đại học Huế.

*Tác giả liên hệ: nguyenthihongmai@huaf.edu.vn

Nhận bài: 03/03/2020 Hoàn thành phản biện: 07/05/2020 Chấp nhận bài: 27/08/2020

TÓM TẮT

Huyện A Lưới của tỉnh Thừa Thiên Huế là nơi sinh sống của các nhóm dân tộc thiểu số Pa Cô, Tà Ôi với tập quán canh tác trên đất dốc và khai thác lâm sản từ rừng tự nhiên. Nhiều thay đổi trong sử dụng đất lâm nghiệp và tài nguyên rừng đã và đang diễn ra ở đây. Nghiên cứu đã chọn xã Hồng Kim để tiến hành khảo sát những thay đổi trong sử dụng đất lâm nghiệp của người dân địa phương. Thông qua phân tích định tính các thông tin thảo luận nhóm và phỏng vấn sâu, cùng với phân tích thống kê điều tra hộ, nghiên cứu cho thấy người dân xã Hồng Kim đã chuyển dịch từ canh tác nương rẫy sang trồng rừng và từ canh tác đa dạng sang độc canh. Những tác động dẫn dắt sự thay đổi này bao gồm cả chính sách đất đai và thị trường. Nghiên cứu đề xuất điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất để tăng cơ hội tiếp cận đất đai cho người dân; xây dựng cơ chế hưởng lợi từ rừng cộng đồng, tạo sinh kế dưới tán rừng tự nhiên; tăng giá trị gia tăng từ rừng trồng, đồng thời tăng cường thực thi pháp luật để bảo vệ vốn rừng tự nhiên còn lại trên địa bàn; và xây dựng các mô hình nông lâm kết hợp để tăng tính đa dạng và nâng cao giá trị kinh tế của đất.

Từ khóa: Thay đổi sử dụng đất, Chính sách lâm nghiệp, Sinh kế, Thị trường, Trồng rừng

STUDY ON CHANGES IN FOREST LAND USE OF THE ETHNIC PEOPLE IN HONG KIM COMMUNE OF A LUOI DISTRICT, THUA THIEN HUE PROVINCE

Nguyen Thi Hong Mai*, Tran Nam Thang, Le Thi Thu Ha

University of Agriculture and Forestry, Hue University.

ABSTRACT

A Luoi district of Thua Thien Hue province is home to the Pa Co and Ta Oi ethnic groups with the practice of farming on sloping land and exploiting forest products from natural forests. Many changes in the use of forest land and forest resources have been occurring there. Hong Kim commune was selected in the study to survey forestry land use change. Through qualitative analysis of group discussions and in-depth interviews, along with statistical analysis of household surveys, the study showed that people in Hong Kim commune have converted forest land used for shifting cultivation to reforestation and from diverse farming systems to monoculture. The effects of driving this change included both land and market policy. The study proposed to adjust land use planning to increase opportunities for people to access land; building a mechanism for benefiting from community forests, creating livelihoods under the canopy of natural forests; increasing added value from planted forests while strengthening law enforcement to protect the remaining natural forest capital in the area, and building agroforestry models to increase the diversity and increase the economic value of the land.

Keywords: Forestland use change, Forestry policies, Livelihoods, Markets, Afforestation

1. MỞ ĐẦU

A Lưới là huyện miền núi của tỉnh Thừa Thiên Huế và là nơi sinh sống của các nhóm dân tộc thiểu số Pa Cô, Tà Ôi,

Cơ Tu có nguồn gốc trên dãy Trường Sơn. Hoạt động sinh kế truyền thống của người dân nơi đây là canh tác nương rẫy trên đất dốc. Với diện tích đất chủ yếu là đồi núi

chiếm trên 70% tổng diện tích đất tự nhiên, thì đây cũng là nguồn đất chủ đạo dùng cho sản xuất nông lâm nghiệp của người dân huyện A Lưới. Những thay đổi sử dụng đất của các cộng đồng dân tộc thiểu số ở huyện A Lưới chịu ảnh hưởng mạnh mẽ của các chính sách quản lý rừng và đất lâm nghiệp theo cơ chế tập trung của chính phủ Việt Nam từ sau năm 1975. Hệ quả là sự hình thành các hệ thống nông lâm trường quốc doanh, sản xuất nông nghiệp trong cả nước được tổ chức theo hình thức tập thể và vận hành theo mô hình hợp tác xã (Tô Xuân Phúc và Trần Hữu Nghị, 2014). Từ sau năm 1986, chính sách “đổi mới” của Chính phủ đã thu hút nhiều thành phần kinh tế tham gia vào quản lý và sử dụng rừng và đất lâm nghiệp nhằm khắc phục những yếu kém trong phát triển kinh tế (Gainsborough, 2010).

Trong bối cảnh chung đó, xã Hồng Kim thuộc huyện A Lưới chịu tác động không nhỏ bởi các chính sách cải cách lâm nghiệp dẫn đến thay đổi chủ rừng trên địa bàn xã. Từ lâm trường quản lý rừng, nay rừng được phân chia theo mục đích sử dụng bao gồm rừng phòng hộ, rừng đặc dụng, rừng sản xuất và giao rừng cho các chủ thể quản lý như các ban quản lý rừng phòng hộ, ban quản lý khu bảo tồn, cộng đồng và hộ gia đình trên địa bàn xã.

Về lý thuyết, những cải cách lâm nghiệp mong muốn thay đổi sử dụng đất để làm gia tăng giá trị sản xuất trên một đơn vị diện tích đất, góp phần xóa đói giảm nghèo đồng thời bảo tồn và phát triển diện tích rừng hiện có ở địa phương. Thế nhưng, tỷ lệ hộ nghèo của huyện A Lưới (24,99%) so với tỉnh Thừa Thiên Huế (5,98%) là khá cao (UBND huyện A Lưới, 2018; UBND tỉnh Thừa Thiên Huế, 2019). Đặc biệt, xã Hồng Kim mặc dù nằm ngay sát trung tâm huyện, có vị trí tương đối thuận lợi về giao thông, nhưng lại có tỷ lệ

hộ nghèo gần như cao nhất của huyện là 44,3% năm 2017.

Với những lý do trên, nghiên cứu sự thay đổi và các yếu tố ảnh hưởng đến sự thay đổi trong sử dụng đất lâm nghiệp của người dân xã Hồng Kim, huyện A Lưới là cần thiết để có được sự hiểu biết toàn diện về những thay đổi và các vấn đề đằng sau nó, nhằm đề xuất các giải pháp hướng đến sử dụng đất lâm nghiệp hiệu quả.

2. NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Nội dung nghiên cứu

Nghiên cứu tập trung làm sáng tỏ 03 vấn đề: (1) Thực trạng tiếp cận đất lâm nghiệp của hộ gia đình ở xã Hồng Kim; (2) Các thay đổi về sử dụng đất lâm nghiệp và sinh kế trên địa bàn nghiên cứu; và (3) Các yếu tố ảnh hưởng đến thay đổi sử dụng đất lâm nghiệp của người dân.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

2.2.1. Phương pháp thu thập số liệu

Số liệu thứ cấp được thu thập từ các báo cáo, quyết định, chính sách từ trung ương đến địa phương được lưu trữ ở các cơ quan địa phương cũng như từ internet.

Số liệu sơ cấp được thu thập thông qua (1) Phòng vấn đại diện các cơ quan liên quan cấp huyện (02 cán bộ cấp huyện) và UBND xã Hồng Kim (03 cán bộ cấp xã) về các yếu tố ảnh hưởng đến thay đổi sử dụng đất của xã Hồng Kim. (2) Thảo luận nhóm tập trung (FGD) về các thay đổi trong sinh kế dựa vào tài nguyên rừng và đất lâm nghiệp của người dân địa phương được thực hiện với 02 nhóm là những người sống lâu năm trong cộng đồng (04 người) và nhóm những người tham gia quản lý rừng cộng đồng (05 thành viên); và (3) Điều tra hộ: Số mẫu được chọn dựa trên công thức xác định cỡ mẫu điều tra của Ram (2008) là:

$$n = \frac{N}{1 + N(e)^2}$$

Trong đó: ‘n’ là cỡ mẫu xác định cho điều tra; ‘N’ là số lượng tổng thể (Tổng số hộ trên địa bàn nghiên cứu = 424); ‘e’ là sai số tiêu chuẩn (Nghiên cứu

chọn sai số 10%). Vì thế n sau khi được tính toán cho giá trị là 80 mẫu (hộ) cần điều tra. Việc chọn mẫu cụ thể dựa trên phương pháp chọn ngẫu nhiên từ danh sách hộ của các thôn.



Hình 1. Sơ đồ huyện A Lưới

Nguồn: UBND tỉnh Thừa Thiên Huế (2018)

2.2.2. Tổng hợp và phân tích số liệu

Phần mềm Excel 2016 và SPSS 20.0 được sử dụng để hỗ trợ cho việc xử lý các số liệu thống kê đất đai trên địa bàn xã; định lượng và lượng hóa các vấn đề định tính từ khảo sát hộ gia đình.

3. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

3.1. Điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội của xã Hồng Kim

Hồng Kim là xã vùng núi nằm về phía Bắc, cách trung tâm huyện A Lưới 02 km, và có đường Hồ Chí Minh cắt ngang qua xã khoảng 2,5 km. Phía đông giáp xã Hồng Hạ và huyện Phong Điền, phía tây giáp xã Hồng Bắc, phía bắc giáp huyện Phong Điền, xã Bắc Sơn và phía nam giáp thị trấn A Lưới (Hình 1). Địa hình của xã chủ yếu là đồi núi phân bố ở phía bắc, phía đông và phía nam với độ cao trung bình hơn 800 m so với mực nước biển. Ngoài ra

còn có diện tích vùng đất thấp chạy theo sông Tà Rình với diện tích không lớn. Địa hình có độ dốc lớn, dạng lượn sóng và bát úp, tầng đất khô, hàm lượng các chất từ trung bình đến khá, mực nước ngầm nông. Trên nhóm đất này có thể trồng được nhiều loại cây trồng khác nhau từ cây ăn quả, cây lương thực và một số cây công nghiệp.

Xã Hồng Kim có 4 thôn: Atia 1, Atia 2, Đụt 1 và Đụt 2. Tổng số hộ là 424 hộ với 1.736 khẩu, gồm có 4 nhóm dân tộc: Pa Cô, Tà Ôi, Cơ Tu, Kinh. Trong đó người Pa Cô chiếm số đông (UBND xã Hồng Kim, 2019a).

Có thể thấy lợi thế dễ dàng tiếp cận hệ thống giao thông và gần trung tâm huyện của xã Hồng Kim có ảnh hưởng không nhỏ đến xu thế khai thác tài nguyên cho mục đích thương mại và chuyển đổi đất canh tác nương rẫy sang canh tác cây hàng hóa.

3.2. Tiếp cận và sử dụng tài nguyên rừng và đất lâm nghiệp của hộ gia đình

Chính phủ Việt Nam ban hành các chính sách giao đất giao rừng từ năm 1994 (Nghị định 02/CP/1994 ngày 15/01/1994; Nghị định 163/1999/NĐ-CP ngày 16/11/1999). Nhưng phải hơn 10 năm sau, khi huyện A Lưới tổ chức quy hoạch 03 loại rừng và đổi mới sắp xếp lâm trường, thì công tác giao đất giao rừng mới được thực hiện ở xã Hồng Kim (UBND tỉnh

Thừa Thiên Huế, 2003). Đất lâm nghiệp là nhóm đất chính trong cơ cấu sử dụng đất của xã Hồng Kim, với tổng diện tích 3.804,88 ha, chiếm 93,05% tổng diện tích tự nhiên, được phân theo 03 loại rừng: sản xuất và rừng phòng hộ và rừng đặc dụng (Bảng 1). Có thể thấy phân bố giữa 03 loại đất lâm nghiệp này không đồng đều, đặc biệt diện tích rừng đặc dụng chiếm đến 73,97% tổng diện tích đất tự nhiên.

Bảng 1. Phân loại và quy hoạch đất lâm nghiệp xã Hồng Kim

Loại đất	Diện tích (ha)	Tỷ lệ %
Đất tự nhiên	4.089,00	100,00
Đất lâm nghiệp	3.804,88	93,05
Đất rừng sản xuất	575,31	14,07
Đất rừng phòng hộ	204,76	5,01
Đất rừng đặc dụng	3.024,81	73,97

Trong thời gian 2006 - 2007, xã Hồng Kim thực hiện giao rừng cho cộng đồng quản lý thông qua các chương trình/dự án tài trợ. Đến năm 2010, huyện đẩy mạnh giao rừng cho cộng đồng dân cư thôn quản lý theo Quyết Định 430/QĐ-UBND/2010 ngày 02/03/2010 về phê duyệt Đề án giao rừng cho thuê rừng tỉnh Thừa Thiên Huế giai đoạn 2010 - 2014 (UBND tỉnh Thừa Thiên Huế, 2010). Như vậy, cùng với sự phân chia 03 loại rừng không đồng đều, thì cơ cấu chủ sử dụng

Nguồn: UBND xã Hồng Kim (2019b)
đất lâm nghiệp ở đây cũng có sự khác biệt rất lớn giữa chủ sử dụng rừng là cộng đồng, hộ gia đình và các tổ chức sự nghiệp công lập Nhà nước (Bảng 2).

Số liệu từ quá trình điều tra hộ gia đình cũng phản ánh tình trạng sở hữu đất canh tác nông lâm nghiệp của người dân là rất ít (Bảng 3). Với diện tích đất lâm nghiệp trung bình mỗi hộ nhận được khoảng 1 ha, đồng thời với sự hạn chế tiếp cận các loại đất khác, có thể thấy được nhu cầu về đất sản xuất của người dân rất cao.

Bảng 2. Diện tích đất lâm nghiệp phân theo chủ sử dụng và đối tượng quản lý

Đối tượng quản lý	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
Hộ gia đình cá nhân	210,50	5,53
Tổ chức sự nghiệp công lập	3.024,81	79,50
Cộng đồng dân cư	403,65	10,61
UBND xã	165,92	4,36

Nguồn: UBND xã Hồng Kim (2019b)

Bảng 3. Tiếp cận các loại đất phục vụ sản xuất của hộ gia đình khảo sát

Loại đất	Diện tích đất trung bình/hộ
Diện tích rừng trồng (ha)	1,01
Diện tích rẫy (ha)	0,02
Diện tích vườn nhà (m ²)	651,9
Diện tích lúa nước (m ²)	1.268,8

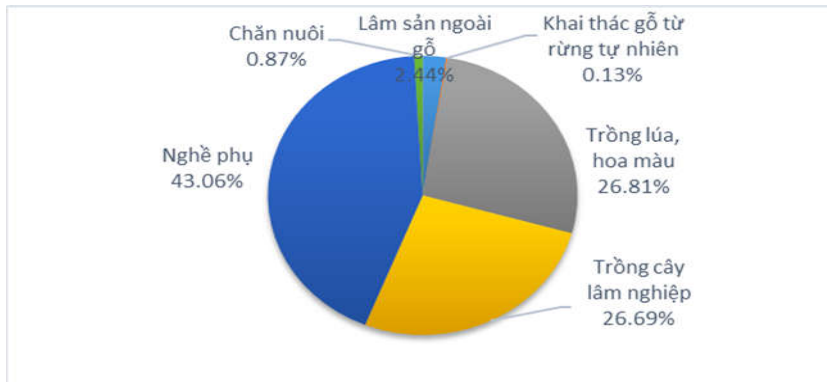
Nguồn: Số liệu điều tra thực địa (2019)

Kết quả điều tra còn cho thấy thu nhập từ lâm sản ngoài gỗ (LSNG) và khai

thác gỗ từ rừng tự nhiên chiếm tỉ trọng rất thấp trong cơ cấu thu nhập từ các nguồn

sinh kế của các hộ điều tra. Với diện tích đất lâm nghiệp của hộ gia đình nhỏ, làm cho nguồn thu từ trồng cây lâm nghiệp và trồng cây lương thực chiếm tỉ trọng tương đương nhau trong cơ cấu thu nhập. Bù lại cho sự thiếu hụt thu nhập tiền mặt từ sử

dụng rừng và đất lâm nghiệp, người dân Hồng Kim tập trung nhiều hơn vào các ngành nghề phụ mà chủ yếu là đi làm thuê bao gồm đi trồng và khai thác rừng keo trên địa bàn huyện A Lưới (Hình 2).



Hình 2. Cơ cấu các nguồn thu nhập các hộ điều tra ở xã Hồng Kim năm 2018

3.3. Những thay đổi về sử dụng đất và sinh kế của người dân xã Hồng Kim

Lịch sử hình thành xã Hồng Kim với những đặc tính của người dân tộc Pa Cô và tập quán canh tác truyền thống đã ảnh hưởng đến lịch sử sử dụng đất của người dân nơi đây. Có thể tóm tắt như sau: (Bảng 4).

Theo mô tả của người dân, khu vực canh tác nương rẫy trước đây được người dân trồng rất nhiều loại cây. Các nghiên cứu trước đây cũng chỉ ra rằng người dân tộc thiểu số ở khu vực Trung Trường Sơn duy trì một hệ thống canh tác nương rẫy đa dạng cây trồng (Hoàng Huy Tuấn, 2017). Cho đến nay, người dân vẫn còn những mảnh rẫy nhỏ (Bảng 3) và chỉ độc canh lúa rẫy. Phần lớn diện tích nương rẫy này được chuyển sang trồng rừng thuần loài. Điều này có thể nhận biết thông qua nguồn gốc đất lâm nghiệp được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (sổ đỏ). Số thửa được cấp sổ đỏ mới của các hộ rất thấp (chỉ có 5%). Phần lớn là tự khai hoang để canh tác

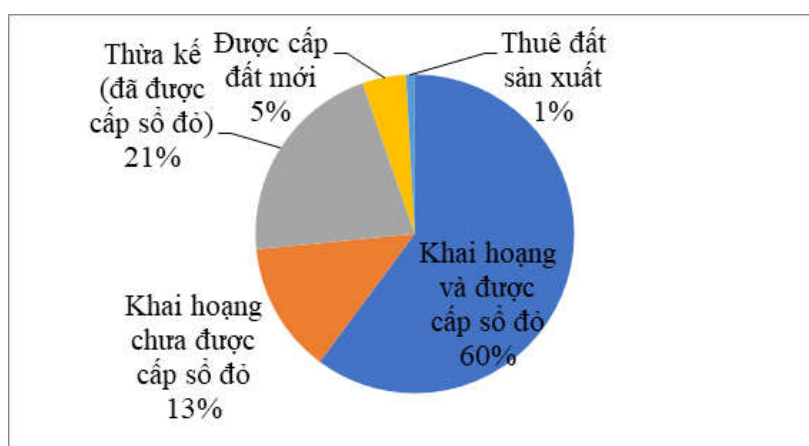
nương rẫy hay được thừa kế đất nương rẫy từ bố mẹ nay chuyển đổi sang trồng rừng (Hình 3).

Thay đổi trong sử dụng đất đồng thời với thay đổi nguồn tài nguyên rừng và chủ rừng làm cho vai trò của các nguồn thu trong hoạt động sinh kế của người dân thay đổi. Kết quả khảo sát hộ đánh giá vai trò của các nguồn sinh kế hiện nay và cách đây 10 năm (2008 - 2009) là thời điểm người dân bắt đầu chuyển đổi nương rẫy và đất có rừng tự nhiên sang trồng rừng kinh tế (với thang đo từ 1 - 5 cho các mức độ từ ít quan trọng đến rất quan trọng) cho thấy sinh kế của người dân ở xã Hồng Kim đã thay đổi theo chiều hướng giảm phụ thuộc vào tài nguyên rừng tự nhiên cho khai thác LSNG hay khai thác gỗ và canh tác nương rẫy sang các sinh kế lấy thu nhập bằng tiền mặt làm chủ đạo như trồng rừng, làm nghề phụ (nghề phụ ở đây chủ yếu đi trồng rừng và khai thác gỗ keo cho các chủ hộ khác trong vùng).

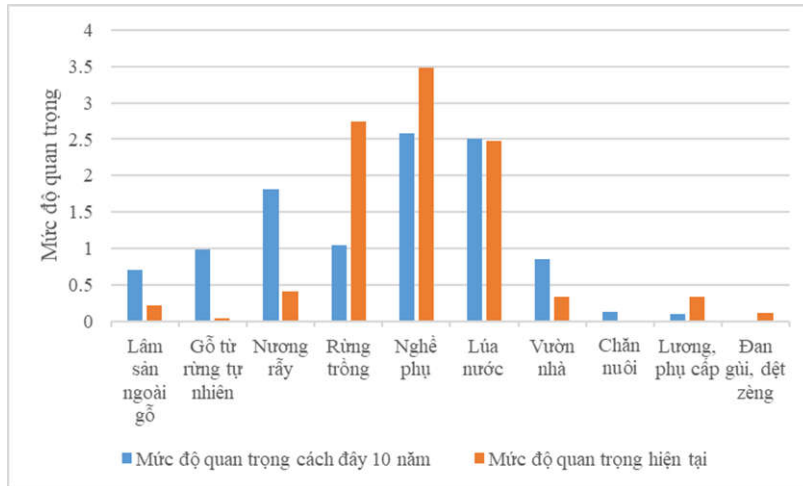
Bảng 4. Lịch sử thay đổi sử dụng đất lâm nghiệp ở xã Hồng Kim

Năm	Thay đổi sử dụng đất
Trước 1973	Người dân sống du canh du cư, phát nương làm rẫy trên dãy Trường Sơn theo phương thức luân canh nương rẫy: canh tác 1 - 2 năm, bỏ hóa 5 - 7 năm.
Từ 1973 - 1976	Người dân được bố trí về xung quanh khu vực định cư nay - xã Hồng Kim ngày nay. Họ vẫn áp dụng phương thức canh tác du canh để đáp ứng nhu cầu lương thực cho gia đình.
Từ 1976	Người dân bắt đầu áp dụng canh tác lúa nước và hoa màu ở khu vực thung lũng. Phương thức canh tác này được du nhập vào Hồng Kim bằng nhiều cách: (1) người dân Kinh ở đồng bằng di chuyển lên đây theo chương trình kinh tế mới; (2) một số bộ đội là đồng bào dân tộc thiểu số phục viên quay về và hướng dẫn bà con trồng lúa nước; (3) cán bộ của tỉnh được điều động lên để hướng dẫn kỹ thuật trồng lúa nước.
Từ cuối thập niên 1970 - cuối thập niên 1980s	Hình thành các tổ hợp tác thôn. Hoạt động canh tác nương rẫy giảm hẳn, người dân chuyển sang canh tác lúa nước để lấy lương thực và trồng sản ngô trên đồi. Việc canh tác lúa nước ở đây được huyện hỗ trợ kinh phí khai hoang, máy cày và đầu tư các công trình thủy lợi trên địa bàn. Việc thành lập lâm trường A Lưới (1985) quản lý phần lớn diện tích rừng làm cho phương thức canh tác nương rẫy không còn phù hợp. Người dân chỉ có thể canh tác các khu vực gần cộng đồng. Hoạt động khai thác gỗ diễn ra khá mạnh mẽ ở khu vực này do lâm trường khai thác gỗ cho hoạt động kinh doanh của mình, và người dân khai thác cho nhu cầu làm nhà và mua bán bất hợp pháp tại địa phương.
Từ thập niên 1990 đến đầu những năm 2005	Người dân tham gia trồng rừng cho lâm trường A Lưới để nhận tiền công và gạo cho nhu cầu hàng ngày. Cho đến năm 2004 - 2005, trồng rừng kinh tế hộ mới xuất hiện ở đây, khi có sự chuyển đổi lâm trường A Lưới thành Ban quản lý rừng phòng hộ A Lưới. Tuy nhiên, để đáp ứng chiến lược phát triển bền vững hướng đến bảo tồn đa dạng sinh học, một diện tích đất lâm nghiệp đáng kể đã được nhà nước cắt từ địa giới hành chính xã Hồng Kim cho Khu bảo tồn Phong Điền.
Sau 2005	Diện tích đất nương rẫy trước đây trồng lúa rẫy, sản và rau màu được người tại xã Hồng Kim chuyển dần sang trồng cây keo để mang lại nguồn thu nhập cho gia đình. Những hộ không có đất trồng rừng, được nhà nước cấp đất.

Nguồn: Số liệu điều tra thực địa (2019)



Hình 3. Tình trạng sở hữu các thửa đất của các hộ điều tra



Hình 4. Thay đổi vai trò của các nguồn sinh kế ở xã Hồng Kim

3.4. Các yếu tố ảnh hưởng đến thay đổi sử dụng đất lâm nghiệp của người dân xã Hồng Kim

3.4.1. Ảnh hưởng của các chính sách, thể chế lâm nghiệp

Chính sách quốc hữu hóa đất đai sau năm 1975 - 2005 đã đưa người dân ra khỏi những cánh rừng nơi họ thực hành canh tác nương rẫy hàng trăm năm bằng cách định cư họ tại các thôn bản nằm ở các thung lũng phù hợp cho canh tác lúa nước và các loài hoa màu vùng thấp.

Các chương trình trồng rừng của chính phủ như Quyết định 327-CT/1992 ngày 15/9/1992 về chủ trương, chính sách sử dụng đất trồng đồi trọc, rừng, bãi bồi ven biển và mặt nước; tiếp nối bởi chương trình 5 triệu ha rừng theo Quyết định 661/QĐ-TTg/1998 ngày 29/7/1998, đã nâng cao nhận thức của người dân về trồng rừng có thể tạo ra thu nhập. Đến năm 2005, quy hoạch 03 loại rừng theo Chỉ thị 38/2005/CT-TTg ngày 05/12/2005 về việc rà soát, quy hoạch lại 03 loại rừng (rừng phòng hộ, rừng đặc dụng và rừng sản xuất) đã chuyển giao một diện tích đất lâm nghiệp đáng kể cho các hộ gia đình trên địa bàn xã Hồng Kim. Chính sách giao rừng cho cộng đồng quản lý theo Quyết Định 430/QĐ-UBND của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế cùng với sự hỗ trợ của chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng (DVMTR) theo Nghị định Nghị định

147/NĐ-CP/2016 là một khởi xướng về tạo thu nhập từ các dịch vụ môi trường rừng cho cộng đồng quản lý bảo vệ rừng.

Những thay đổi của các chính sách lâm nghiệp theo thời gian đã làm thay đổi các hoạt động sinh kế của cộng đồng ở đây. Người dân chuyển dần từ dựa vào rừng tự nhiên để canh tác nương rẫy và hái lượm sang trồng rừng kinh tế, phát triển nghề phụ (trồng và khai thác keo thuê...) và các thu nhập hưởng lợi từ môi trường rừng.

Tương tự các vùng cao khác ở Việt Nam, chính sách đổi mới kinh tế và cải cách ngành lâm nghiệp tại vùng núi huyện A Lưới mà cụ thể là xã Hồng Kim đã làm thay đổi 03 khía cạnh cơ bản: Thứ nhất, xóa bỏ hình thức hợp tác xã, giao đất cho người dân. Thứ hai, tăng đầu tư cho phát triển miền núi thông qua các chương trình định canh định cư và trồng rừng trên những diện tích đất trồng đồi trọc. Thứ ba, thúc đẩy mở rộng thị trường tạo ra sự giao lưu hàng hoá giữa miền núi và đồng bằng, khuyến khích đầu tư từ khu vực nhà nước và khối tư nhân lên vùng cao (Sowerwine, 2004).

3.4.2. Ảnh hưởng của thị trường tới sử dụng đất lâm nghiệp

Sự phát triển của thị trường gỗ ván dăm, bột giấy trong 10 năm qua đã làm

thay đổi phương thức sử dụng đất lâm nghiệp ở vùng núi Việt Nam nói chung và của huyện A Lưới nói riêng. Khi nhu cầu của thị trường gỗ nguyên liệu tăng mạnh, người dân xã Hồng Kim có nhu cầu nhận đất trồng rừng rất cao do cây keo chi phí thấp, đầu tư chăm sóc ít, chủ yếu dùng sức lao động, trong khi người dân địa phương đã làm quen với hoạt động trồng rừng trong các dự án trồng rừng trước đó.

Bên cạnh phát triển trồng rừng kinh tế, từ năm 2002 đến cuối tháng 8-2008, giá cao su thiên nhiên trên thị trường thế giới tăng liên tục. Năm 2004 giá cao su xuất khẩu trung bình là 1.163 đô la Mỹ /tấn, đến

năm 2006 đã đạt mức 1.817 đô la Mỹ/tấn. Tám tháng đầu năm 2008, giá đạt mức 2.708 đô la Mỹ/tấn. Trên xu hướng giá cao su luôn tăng ở mức cao, địa bàn xã Hồng Kim cũng đã quy hoạch một phần đất lâm nghiệp cho diện tích cao su (Hình 4).

Theo đánh giá của người dân, mặc dù thị trường gỗ rừng trồng phát triển tốt trong những năm qua, nhưng người dân gặp không ít trở ngại trong vấn đề phát triển kinh tế rừng trồng bởi các hạn chế về tiếp cận tín dụng và đất đai (Bảng 5). Thiếu 02 yếu tố này, người dân địa phương đã bị tụt hậu khi tiếp cận thị trường.

Bảng 5. Thách thức hộ gia đình gặp phải trong phát triển rừng trồng

(Đơn vị tính: %)

Quan điểm người được phỏng vấn	Khó tiếp cận thị trường	Thiếu kiến thức	Khó tiếp cận tín dụng	Khó tiếp cận đất
Đồng ý	10	43,8	76,3	81,3
Không đồng ý	90	56,2	23,7	18,7

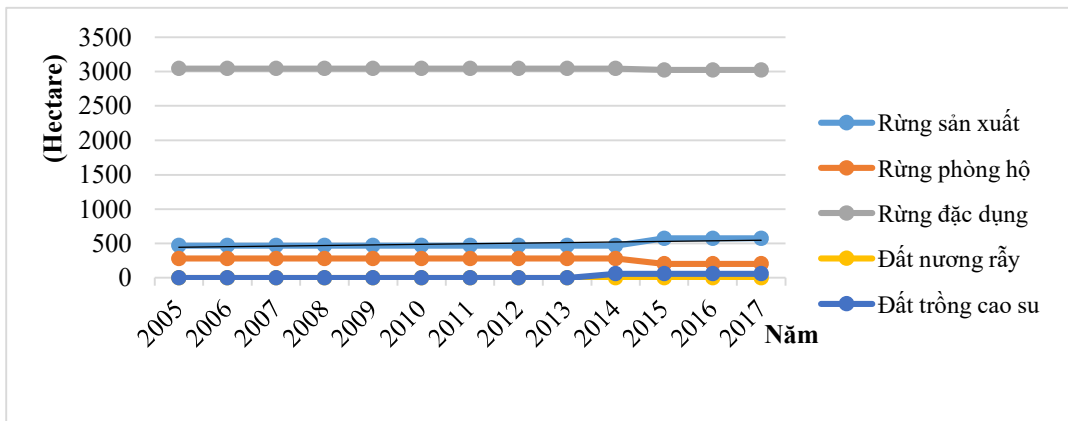
Có thể thấy nhu cầu sử dụng nguyên liệu gỗ rừng trồng của thị trường là nhân tố thúc đẩy việc trồng rừng khắp nơi, không riêng gì xã Hồng Kim. Với sự thuận lợi về thị trường trao đổi, nhu cầu lương thực không còn là vấn đề cấp bách, nên người dân chuyển đổi hầu hết diện tích nương rẫy thành diện tích rừng trồng. Nhưng với quy hoạch 03 loại rừng và giao rừng cho các chủ thể quản lý như hiện nay, đất lâm nghiệp cho phát triển sản xuất của Hồng Kim gần như không còn. Vì thế theo như lời một cán bộ kiểm lâm của huyện thì hầu hết các xã đều có xảy ra hiện tượng xâm lấn rừng tự nhiên để trồng rừng.

3.4.3. Ảnh hưởng của các dự án đến thay đổi sử dụng rừng và đất lâm nghiệp tại xã Hồng Kim

Dự án “Hành lang Bảo tồn đa dạng sinh học Tiểu vùng Mê Kông mở rộng - giai đoạn 2” (gọi tắt là dự án BCC) đã hỗ trợ người dân địa phương phát triển sinh kế, phục hồi và làm giàu rừng. Những thách thức trong vấn đề hỗ trợ cộng đồng phát triển sinh kế và bảo vệ rừng Chương trình chi trả DVMTR được thực hiện trên

Nguồn: Số liệu điều tra thực địa (2019)
địa bàn xã Hồng Kim từ năm 2014 không chỉ tạo nguồn thu nhập mà còn nâng cao nhận thức của người dân về vai trò của rừng và môi trường rừng. Tuy nhiên, như các nghiên cứu khác trên địa bàn xã Hồng Kim và huyện A Lưới đã chỉ ra, người dân chỉ tham gia tuần tra bảo vệ rừng, chứ chưa có các hoạt động phát triển, làm giàu rừng từ chương trình chi trả DVMTR (Nguyễn Thị Hồng Mai và Nguyễn Văn Minh, 2019).

Chương trình phát triển kinh tế - xã hội các xã đặc biệt khó khăn vùng dân tộc thiểu số và miền núi theo Quyết định 135/1998/QĐ-TTg hay Chương trình Xây dựng nông thôn mới đã hỗ trợ người dân phát triển kinh tế, hướng dẫn người dân kỹ thuật chăn nuôi đã có tác động không nhỏ đến tập tục canh tác của người dân xã Hồng Kim, góp phần làm thay đổi các tập quán canh tác cũ, không phù hợp với thời kỳ mới. Có thể thấy rõ tác động của đề án “Phát triển cây cao su tiểu điền huyện A Lưới giai đoạn 2014 - 2020” đã làm thay đổi sử dụng đất trên địa bàn xã Hồng Kim (Hình 5).



Hình 5. Biến động các loại đất qua các năm tại xã Hồng Kim theo mục đích sử dụng

4. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

Xã Hồng Kim thuộc huyện A Lưới, có hơn 90% dân số là người dân tộc thiểu số với tỷ lệ hộ nghèo còn cao (44.3%). Diện tích đất của xã chủ yếu là đất lâm nghiệp chiếm đến 93%, nên phần lớn sinh kế của người dân phụ thuộc vào rừng và đất lâm nghiệp. Mặc dù diện tích rừng lớn, nhưng việc giao đất lâm nghiệp cho các cá nhân và hộ gia đình rất ít, chỉ chiếm 5,53% tổng diện tích đất lâm nghiệp của xã. Diện tích rừng tự nhiên giao cho cộng đồng quản lý chiếm khoảng 10,61% tổng diện tích đất lâm nghiệp, phần lớn diện tích rừng tự nhiên giao cho các tổ chức sự nghiệp công lập quản lý.

Nghiên cứu cho thấy có sự chuyển đổi mạnh mẽ trong sử dụng đất lâm nghiệp trên địa bàn nghiên cứu. Người dân từ canh tác truyền thống mang tính tự cung tự cấp chuyển sang trồng rừng cho mục đích thương mại, từ hệ thống canh tác nương rẫy đa dạng, chuyển sang canh tác độc canh. Những tác động dẫn dắt sự thay đổi này không thể không nhắc đến những cải cách kinh tế, cải cách chính sách đất đai và chính sách lâm nghiệp, cùng với đó là việc mở cửa thị trường cho sự phát triển của các loài cây lâm nghiệp ngắn ngày đã thúc đẩy người dân ở xã Hồng Kim tham gia nhận đất và chuyển đổi đất để trồng rừng kinh tế. Trong khi hầu hết các hộ gia đình trên địa bàn hiện đang sử dụng và sở hữu đất

canh tác nông lâm nghiệp tương đối ít. Vì thế, việc xâm lấn rừng tự nhiên để phát triển rừng trồng kinh tế vẫn đang diễn ra.

Từ kết quả nghiên cứu ở trên, một số kiến nghị được đề xuất như sau:

(1) Cần đánh giá, rà soát tình trạng thiếu đất sản xuất của các hộ, và đánh giá nhu cầu đất canh tác tối thiểu của các hộ đồng thời cần có những điều chỉnh cần thiết về quy hoạch sử dụng đất để tăng cơ hội tiếp cận đất đai cho người dân.

(2) Tiềm năng rừng cộng đồng chưa được khai thác hết: Cần có nhiều hơn cơ chế hưởng lợi từ rừng, tạo ra các sáng kiến để nâng cao thu nhập từ rừng cộng đồng, tạo sinh kế dưới tán rừng tự nhiên.

(3) Tăng giá trị gia tăng từ rừng trồng để tăng thu nhập cho người dân đồng thời tăng cường thực thi pháp luật để bảo vệ vốn rừng tự nhiên còn lại trên địa bàn.

(4) Xây dựng các mô hình nông lâm kết hợp trên đất vườn nhà và vườn đôi để tăng tính đa dạng và nâng cao giá trị kinh tế của đất.

LỜI CẢM ƠN

Nghiên cứu này được tài trợ bởi dự án FTViet.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Tài liệu tiếng Việt

Hoàng Huy Tuấn. (2017). Thực trạng và giải pháp quản lý đất canh tác nương rẫy bền vững ở vùng cao: nghiên cứu trường hợp ở

- xã Hương Lâm, huyện A Lưới, tỉnh Thừa Thiên - Huế. Trong *Kỷ yếu Hội thảo khoa học "Sinh thái nhân văn và phát triển bền vững: Một số vấn đề từ lý luận đến thực tiễn"*, trang 89-100. Viện Tài nguyên và Môi trường, Đại học Quốc gia Hà Nội. Hà Nội: Nhà xuất bản Nông nghiệp.
- Nguyễn Thị Hồng Mai và Nguyễn Văn Minh. (2019). Tác động của chính sách chỉ trả dịch vụ môi trường rừng đến quản lý rừng cộng đồng tại huyện A Lưới, tỉnh Thừa Thiên Huế. *Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển nông thôn*, (12), 107 - 114.
- Tô Xuân Phúc và Trần Hữu Nghị. (2014). *Báo cáo Giao đất giao rừng trong bối cảnh tái cơ cấu ngành lâm nghiệp: Cơ hội phát triển rừng và cải thiện sinh kế vùng cao*. Tropenbos International Viet Nam, Huế, Việt Nam.
- UBND huyện A Lưới. (2018). *Báo cáo tổng kết và phương hướng phát triển kinh tế xã hội huyện A Lưới 2017 - 2018*.
- UBND tỉnh Thừa Thiên Huế. (11/7/2003). *Quyết định số 1921/2003/QĐ-UB ngày 11/7/2003 về việc phê duyệt phương án quy hoạch 3 loại rừng tỉnh Thừa Thiên Huế, thời kỳ 2001 - 2010*.
- UBND tỉnh Thừa Thiên Huế (02/03/2010). *Quyết Định 430/QĐ-UBND/2010 của UBND tỉnh ban hành về phê duyệt Đề án giao rừng cho thuê rừng tỉnh Thừa Thiên Huế giai đoạn 2010 - 2014*.
- UBND tỉnh Thừa Thiên Huế. (2019). *Thừa Thiên Huế: Thực hiện đồng bộ các chính sách và giải pháp giảm nghèo bền vững*. Khai thác từ <https://thuathienhue.gov.vn/vi-vn/Chinh-sach-moi/tid/Thua-Thien-Hue-Thuc-hien-dong-bo-cac-chinh-sach-va-giai-phap-giam-ngheo-ben-vung/newsid/4D88ED41-B31F-490C-B8C3-AA25007728BB/cid/2BEA0540-FCA4-4F81-99F2-6E8848DC5F2F>
- UBND xã Hồng Kim. (2019a). *Báo cáo tổng kết và phương hướng phát triển kinh tế xã hội xã Hồng Kim 2018 - 2019*.
- UBND xã Hồng Kim. (2019b). *Báo cáo kết quả thống kê đất đai năm 2018*.
- 2. Tài liệu tiếng nước ngoài**
- Gainsborough, M. (2010). *Vietnam: Rethinking the State*. Zeb Books, London and New York, Silkworm Books, Chiang Mai, Thailand.
- Ram, C. B. (2008). *Statistics for Aquaculture, Asian Institutes of Technology (AIT)*. The USA: Wiley - Blackwell.
- Sikor, T. (2011). Introduction: opening boundaries. In Sikor, T., Nghiem P.T., Sowerwine, J., Romm, J. (eds.), *Upland Transformations in Vietnam*. National University of Singapore Press, Singapore, 1 - 26.
- Sowerwine, J. C. (2004). Territorialisation and the Politics of Highland Landscapes in Vietnam: Negotiating Property Relations in Policy, Meaning and Practice. *Conservation and Society*, 2, 97 - 136